

## 維修目檢試題答案

Đáp án kiểm tra trực quan sửa chữa

一. 填空: 請在空格中填寫完整/ Điền vào chỗ trống: Hoàn thành những vị trí còn trống.

1. 維修目檢作業時須配戴靜電手環 或防 (靜電 ) 手套。

Khi thao tác sửa chữa cần phải đeo dây tĩnh điện hoặc gang tay ( tĩnh điện ).

二. 判定題/ Câu hỏi phán định

1. 目檢時目視角度和平面成 45 度角 ( ☒ )

Khi trực quan kiểm tra bằng mắt góc độ nhìn và mặt phẳng tạo thành góc 45 độ.

2. 檢驗必須用螢光燈,燈光強度為螢光燈(CWF2) 80-100foot-candle

(1foot candle=10.764Lux)日光燈檢視°( ☒ )

Kiểm nghiệm bắt buộc phải dùng đèn huỳnh quang, cường độ ánh sáng đèn(CWF2) 80-100foot-candle (1foot candle=10.764Lux) kiểm tra đèn huỳnh quang.

3. 不允許用手電筒檢查外觀, 手電筒只能用來檢查功能等的連接問題, 及產品外殼的內部 ( ☒ )

Không được phép sử dụng đèn pin để kiểm tra ngoại quan, đèn pin chỉ có thể được dùng để kiểm tra vấn đề tiếp nối chức năng, và bộ phận bên trong vỏ sản phẩm.

4. A,B,C 面目檢的距離是一樣的( ☒ X )

Khoảng cách kiểm tra trực quan các bề mặt A,B,C là như nhau.

三. 簡答題/ Câu hỏi ngắn

敘述目檢的注意事項? Mô tả những việc cần chú ý khi kiểm tra?

答: 1.目檢檢驗標準分三个标准/ Đáp án: 1. Tiêu chuẩn kiểm tra được chia thành 3 tiêu chuẩn.

(1) 目視角度與平面成 45 度角/ Góc nhìn của mắt so với mặt phẳng tạo thành góc 45 độ.

(2) A 面, 目檢觀察距離為 450mm., B 面目檢距離為 450mm. C 面, 目檢距離為 600mm.

Mặt A, khoảng cách kiểm tra là 450mm, khoảng cách kiểm tra mặt B là 450mm, khoảng cách kiểm tra mặt C là 600mm.

(3) A 面目檢時間為 10s. B 面目檢時間為 5s

Thời gian kiểm tra mặt A là 10s. Thời gian kiểm tra mặt B là 5s.

2.目檢 PCBA 時使用的是 10 倍放大鏡

Khi kiểm tra PCBA sử dụng kính lúp là 10x

3.维修人员需 100%使用 10 倍放大镜对维修后的所有 PCBA 上的天线进行检查。

Nhân viên sửa chữa cần 100% sử dụng kính lúp 10x để kiểm tra ang-ten trên tất cả các PCBA sau khi sửa chữa.

4.将目检的样本在正常照明度光源下一米与视角度成 45~135 度。

Mẫu để kiểm tra thường đặt dưới nguồn sáng 1 mét và góc mắt tạo thành 45~135 độ.

